

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Thực hiện Công văn số 3009/LĐTBXH-VPQGGN ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc xây dựng Kế hoạch, đề xuất kinh phí năm 2023 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Xét đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2179/TTr-SLĐTBXH ngày 02/11/2022;

UBND tỉnh Bình Phước xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh như sau:

A. Kết quả thực hiện 8 tháng và ước thực hiện cả năm 2022

I. Công tác chỉ đạo, điều hành

Hệ thống các văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn thực hiện chương trình đã được ban hành kịp thời, đầy đủ theo văn bản hướng dẫn của trung ương và được bổ sung để phù hợp với đặc thù của tỉnh.

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, kế hoạch năm 2022; tham mưu HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết quy định về tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách cấp huyện thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

UBND tỉnh đã giao các ngành tham mưu phân khai kinh phí sự nghiệp, đầu tư phát triển từ ngân sách Trung ương và nguồn đối ứng của địa phương để thực hiện Chương trình với tổng kinh phí 32.976,9 triệu đồng (Trung ương: 22.252 triệu đồng; đối ứng địa phương 10.724,9 triệu đồng, trong đó đã phân bổ cho địa phương 7.518,5 triệu đồng để thực hiện Mô hình giảm nghèo, số còn lại đang tiếp tục phân khai cho các dự án khác).

II. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình

Đến cuối năm 2021, toàn tỉnh còn 1.190 hộ nghèo chiếm 0,91% trên tổng số hộ dân, đạt 125% so với chỉ tiêu được giao, trong đó có 516 hộ nghèo DTTS tỷ lệ 1,13% trên tổng số hộ DTTS.

Đầu năm 2022, do việc thay đổi chuẩn nghèo tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025, kết quả hộ nghèo sau rà soát phát sinh tăng: toàn tỉnh có 4.894 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 1,75 %, trong đó hộ nghèo DTTS là 2.835 hộ, tỷ lệ hộ nghèo DTTS/tổng số hộ DTTS là 6,17%.

Ước thực hiện năm 2022 giảm từ 2.000 - 2.500 hộ nghèo (tương ứng với giảm từ 0,7% đến 1% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới) trong đó có giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào DTTS (tương ứng 2% trên tổng số hộ DTTS).

III. Kết quả thực hiện các chính sách, cơ chế giảm nghèo

Trong 08 tháng đầu năm, tổng khối lượng thực hiện đối với các chính sách hỗ trợ hộ nghèo ước đạt khoảng 32 tỷ (61% nguồn vốn tỉnh). Các chính sách đã hỗ trợ đến hộ nghèo gồm : hỗ trợ nhà ở, nhà vệ sinh, điện, nước sinh hoạt, tạo việc làm, vay vốn để phát triển sản xuất.... Ngoài ra, đối với các chính sách hỗ trợ thường xuyên (tiền điện, BHYT) được triển khai thực hiện đến 100% đối tượng đủ điều kiện hỗ trợ.

IV. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện chính sách, Chương trình giảm nghèo

a) Ngân sách trung ương

- Nguồn vốn sự nghiệp: 21.376 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư phát triển: 876 triệu.

b) Ngân sách địa phương: 64.882 triệu đồng (vốn đầu tư công 64.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 882 triệu đồng).

c) Huy động khác: 65.840 triệu đồng (chương trình hỗ trợ nhà “đại đoàn kết” cho hộ nghèo khó khăn về nhà ở từ nguồn vận động của UBMTTQ Việt Nam tỉnh).

V. Đánh giá chung (mặt được, hạn chế và nguyên nhân)

1. Ưu điểm

Chương trình giảm nghèo bền vững đã nhận được sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị. Chương trình cũng nhận được sự quan tâm, ủng hộ ngày càng nhiều nguồn lực xã hội, qua đó đã sớm đưa các chính sách hỗ trợ, giúp hộ nghèo thoát nghèo hiệu quả.

2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giảm nghèo bền vững trong đồng bào DTTS còn hạn chế, chưa tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, nhất là đối với chính bản thân người nghèo đồng bào DTTS. Nội dung, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, đa dạng.

- Việc phân bổ nguồn ngân sách trung ương còn chậm, việc hoàn thiện các cơ chế, văn bản hướng dẫn đôi lúc còn lúng túng.

- Thông tin, dữ liệu về nhu cầu hộ nghèo một số trường hợp chưa sát thực tế, mang tính chủ quan của người khảo sát.

- Việc phối hợp, lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách với các chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật chưa được quan tâm thực hiện một cách đồng bộ, nên hiệu quả sử dụng nguồn vốn chưa cao.

- Ý thức tự giác vươn lên thoát nghèo của người dân còn hạn chế, còn trông chờ ỷ lại vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa chủ động vươn lên thoát nghèo.

B. Kế hoạch năm 2023

I. Bối cảnh xây dựng kế hoạch năm 2023

Giai đoạn từ 2022 - 2025, tỉnh Bình Phước áp dụng chuẩn nghèo mới theo quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025 (chuẩn nghèo tăng gấp đôi so với giai đoạn trước), do vậy cần nguồn lực lớn để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu.

Năm 2023 là năm giữa của chương trình, có ý nghĩa rất quan trọng trong việc đẩy mạnh thực hiện và phân đấu hoàn thành các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021-2025. Công tác giảm nghèo được sự quan tâm, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh. Giảm nghèo bền vững được xác định là một trong 13 Chương trình trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nhiệm kỳ 2021 - 2025 và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Bình Phước lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Bên cạnh sự lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của các cấp ủy đảng, chính quyền còn có sự phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành, UBMTTQ Việt Nam tỉnh và sự ủng hộ của các cơ quan, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong công tác giảm nghèo bền vững.

Bình Phước có 03 huyện biên giới, đường biên giới dài 258,939 km, có 05 xã đặc biệt khó khăn, 25 thôn đặc biệt khó khăn, 03 xã thuộc vùng kinh tế - xã hội khó khăn. Tại các khu vực này, mật độ dân cư thưa, cơ sở hạ tầng còn hạn chế nên cần nguồn lực lớn để hỗ trợ. Bên cạnh đó việc huy động nguồn lực để thực hiện chương trình cũng gặp khó khăn do tác động của đại dịch Covid-19.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục thực hiện mục tiêu giảm nghèo đa chiều, bền vững; hạn chế tái nghèo và phát sinh nghèo mới; hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, tạo sinh kế để hỗ trợ người nghèo cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và an sinh xã hội bền vững, hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- Giảm 2.000 hộ nghèo (tương ứng với giảm 0,7% tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo mới), trong đó giảm 1.000 hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số (tương ứng 2% trên tổng số hộ DTTS).

- Đảm bảo 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo đủ điều kiện được hưởng các chính sách ưu đãi của Nhà nước về y tế, giáo dục, nhà ở, tín dụng ưu đãi, hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm, xuất khẩu lao động, nước sạch và vệ sinh, thông tin, hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế.

- 100% cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở được bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ giảm nghèo.

- Các đối tượng là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo đủ điều kiện theo quy định sẽ được thụ hưởng các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững.

III. Nội dung hoạt động và đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình

1. Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo

a) Mục tiêu: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế nhằm hỗ trợ việc làm, sinh kế bền vững phù hợp, tạo ra nhu nhập tốt và ổn định cho các nhóm đối tượng thụ hưởng của Dự án nhằm giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng

- Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên phạm vi toàn tỉnh (không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

- Cá nhân, tổ chức, hộ gia đình, tổ, nhóm hợp tác, hợp tác xã, doanh nghiệp; cơ sở đào tạo, cơ sở GDNN; trung tâm nghiên cứu, khoa học, công nghệ, kỹ thuật; cơ sở sản xuất, kinh doanh khác xây dựng, nhân rộng, phát triển mô hình giảm nghèo, khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế, tăng thu nhập và chuyển giao khoa học, công nghệ, kỹ thuật, mô hình giảm nghèo cho người nghèo; ưu tiên hỗ trợ các mô hình giảm nghèo, mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh do người khuyết tật, dân tộc thiểu số, phụ nữ, học sinh, sinh viên chịu trách nhiệm thực hiện.

c) Nội dung hoạt động: dự kiến 03 hoạt động chính gồm: Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị; Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng; Mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ. Bao gồm những hoạt động chính sau:

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

- Chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.
- Vật tư, nguyên liệu, công cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi.
- Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.
- Hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm.
- Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm.
- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả.
- Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: Thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 27.600 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 24.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 3.600 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng

2.1. Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp

a) Mục tiêu:

Hỗ trợ nâng cao năng lực sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp cho người nghèo theo hướng sản xuất hàng hóa, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ, nâng cao chất lượng, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, tăng cường kết nối giữa người sản xuất và các doanh nghiệp trong chuỗi giá trị, ưu tiên phát triển các sản phẩm có tiềm năng, thế mạnh tại địa phương, tạo giá trị gia tăng cho người sản xuất để nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo (trong vòng 36 tháng kể từ thời điểm thoát nghèo), người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) (không gồm địa bàn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới); ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo dân tộc thiểu số, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và phụ nữ thuộc hộ nghèo.

Chú trọng thực hiện ở các huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao, có tiềm năng thuận lợi để phát triển sản xuất hàng hóa, kết nối thị trường, có khả năng thu hút các doanh nghiệp hợp tác, đầu tư phát triển sản xuất bền vững.

c) Nội dung:

- Thực hiện 22 mô hình sản xuất tại 11 huyện, thị xã, thành phố. Trong đó: Hỗ trợ một phần giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y và hỗ trợ khác.

- Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất cây trồng, vật nuôi cho các đối tượng tham gia mô hình sản xuất.

- Tổ chức 10 lớp tập huấn, tư vấn chuyên giao kỹ thuật cho người nghèo: Hỗ trợ nâng cao năng lực quản lý sản xuất, kinh tế của các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các nội dung hỗ trợ khác phù hợp với tính chất của hoạt động sinh kế định hướng thị trường; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia cam kết bao tiêu sản phẩm.

- Hỗ trợ việc phát hiện, đánh giá, thí điểm các mô hình, giải pháp về phát triển sản xuất nông nghiệp và phát triển chuỗi giá trị mang tính sáng tạo, hiệu quả tại các địa bàn cụ thể vùng và hỗ trợ nhân rộng, thể chế hóa các mô hình, giải pháp đó ở quy mô lớn hơn, ở các địa bàn khác; ưu tiên nhân rộng các mô hình, giải pháp sáng tạo, hiệu quả có sự tham gia tích cực, chủ động của các địa phương, đối tác phát triển, doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cơ quan dịch vụ công, các viện, trường.

- Hỗ trợ phát triển hệ thống lương thực, thực phẩm đảm bảo đủ dinh dưỡng.

- Hỗ trợ vay vốn sản xuất kinh doanh đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo với số tiền 100.000 triệu đồng.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 12.500 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 10.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 1.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Đối ứng của người dân: 1.000 triệu đồng.

2.2. Tiểu dự án 2: Cải thiện dinh dưỡng

a) Mục tiêu: Cải thiện tình trạng dinh dưỡng và giảm suy dinh dưỡng thấp còi, chăm sóc sức khỏe, nâng cao thể trạng và tâm vóc của trẻ em 0-16 tuổi thuộc hộ nghèo, cận nghèo và trẻ em vùng nghèo, vùng đặc biệt khó khăn.

b) Đối tượng: Trẻ em, phụ nữ mang thai và cho con bú thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Hỗ trợ tiếp cận, can thiệp trực tiếp phòng chống suy dinh dưỡng, thiếu vi chất dinh dưỡng cho bà mẹ, trẻ em dưới 5 tuổi thuộc hộ gia đình nghèo và cận nghèo; người dân sinh sống trên địa bàn xã đặc biệt khó khăn;

- Tăng cường hoạt động cải thiện chất lượng bữa ăn học đường và giáo dục chăm sóc dinh dưỡng; can thiệp phòng chống thiếu vi chất dinh dưỡng; bảo vệ, chăm sóc dinh dưỡng cho trẻ học đường (trẻ từ 5 đến dưới 16 tuổi).

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 3.450 triệu đồng, trong đó:

+ Ngân sách Trung ương: 3.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

+ Ngân sách địa phương: 450 triệu đồng.

3. Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững

3.1. Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn

a) Mục tiêu:

Phát triển giáo dục nghề nghiệp cả về quy mô và chất lượng đào tạo, hỗ trợ đào tạo nghề cho người nghèo, người dân sinh sống trên địa bàn tỉnh, gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với tạo việc làm, sinh kế bền vững, tăng thu nhập và nâng cao chất lượng cuộc sống.

b) Đối tượng: Người học nghề, người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng nghèo, vùng khó khăn.

c) Nội dung hỗ trợ:

- Xây dựng các chuẩn về giáo dục nghề nghiệp (gồm: tiêu chuẩn kỹ năng nghề; định mức kinh tế - kỹ thuật; quy định kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau tốt nghiệp; danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu; tiêu chuẩn cơ sở vật chất trong thực hành, thực nghiệm và thí nghiệm; giá tối đa dịch vụ giáo dục nghề nghiệp sử dụng ngân sách nhà nước); phát triển hệ thống đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và hệ thống bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp; phát triển chương trình, học liệu; phát triển nhà giáo và cán bộ quản lý phù hợp với đối tượng, trình độ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Điều tra, khảo sát, thống kê, dự báo nhu cầu học nghề; truyền thông, hướng nghiệp, hỗ trợ khởi nghiệp và tạo việc làm cho vùng khó khăn.

- + Đào tạo nghề cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; vùng khó khăn.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh:

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 12.650 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 11.000 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 1.650 triệu đồng.

3.2. Tiểu dự án 2: Hỗ trợ việc làm bền vững

a) Mục tiêu: Cung cấp thông tin thị trường lao động, đa dạng hóa các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung cầu lao động, hỗ trợ tạo việc làm bền vững cho người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn.

b) Đối tượng:

- + Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; Người lao động vùng nghèo, vùng khó khăn; Các Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp dịch vụ việc làm vùng nghèo, vùng khó khăn.

c) Nội dung:

- + Hỗ trợ cơ sở hạ tầng, trang thiết bị công nghệ thông tin để hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động.

- + Thu thập, chuẩn hóa cập nhật dữ liệu phần mềm tìm người – tìm việc.

- + Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng vận hành quản lý, sử dụng hệ thống thông tin quản lý lao động.

- + Điều tra, khảo sát, Thu thập thông tin phục vụ phân tích thị trường lao động, dự báo thị trường lao động.

- + Tuyên truyền phổ biến thị trường lao động.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn

- *Nguyên tắc phân bổ vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 13.319 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 11.582 triệu đồng (7.582 triệu đồng vốn sự nghiệp, 4.000 triệu đồng vốn đầu tư phát triển).

- Ngân sách địa phương: 1.737 triệu đồng (600 triệu đồng vốn ĐTPT, 1.137 triệu đồng vốn sự nghiệp).

4. Truyền thông và giảm nghèo về thông tin

4.1. Tiểu dự án 1: Giảm nghèo về thông tin

a) Mục tiêu:

- Nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống thông tin cơ sở; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, xã đảo, huyện đảo có hệ thống đài truyền thanh hoạt động, phục vụ tốt cho công tác thông tin, tuyên truyền và quản lý, điều hành tại địa phương.

- Tăng cường thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu cho xã hội, nhất là cung cấp thông tin cho người dân sinh sống trên địa bàn các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, bao gồm thông tin về kiến thức, kỹ năng, mô hình, kinh nghiệm lao động, sản xuất, kinh doanh; truyền thông nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội, của người nghèo về công tác giảm nghèo, đảm bảo an sinh xã hội bền vững.

- Tăng cường tiếp cận thông tin thiết yếu cho cộng đồng dân cư; đảm bảo 100% xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, có điểm cung cấp thông tin công cộng phục vụ người dân sử dụng dịch vụ thông tin thiết yếu, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở các khu vực này.

b) Đối tượng: Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người dân sinh sống tại các địa bàn thực hiện Chương trình. Các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Nâng cao năng lực cho cán bộ thông tin và truyền thông.

- Thiết lập các cụm thông tin điện tử công cộng phục vụ thông tin, tuyên truyền đối ngoại tại cửa khẩu biên giới và cung cấp nội dung thông tin phục vụ tuyên truyền ở các xã biên giới.

- Sản xuất mới các tác phẩm, sản phẩm báo chí, xuất bản sản phẩm truyền thông khác để cung cấp sản phẩm thiết yếu cho xã hội; hỗ trợ các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính công cộng phục vụ tiếp cận thông tin của nhân dân ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

d) Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn: theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.300 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 2.000 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 300 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

4.2. Tiểu dự án 2: Truyền thông về giảm nghèo đa chiều

a) Mục tiêu: Tăng cường truyền thông, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội về công tác giảm nghèo đa chiều, nhằm khơi dậy tinh thần tự lực, tự cường vươn lên thoát nghèo của người dân và cộng đồng; nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng trợ giúp pháp lý, huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững; tuyên truyền các gương điển hình, sáng kiến, mô hình tốt về giảm nghèo để thúc đẩy, nhân rộng và lan tỏa trong xã hội.

b) Đối tượng: Người nghèo, người dân tại các địa bàn thực hiện Chương trình; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

c) Nội dung:

- Xây dựng chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, ấn phẩm truyền thông về giảm nghèo bền vững.
- Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm các cấp, các ngành và toàn xã hội về công tác giảm nghèo.
- Hỗ trợ các cơ quan báo chí, xuất bản thông tin, tuyên truyền về công tác giảm nghèo, kịp thời giới thiệu các cá nhân, tập thể, mô hình, kinh nghiệm hay trong giảm nghèo bền vững.
- Tổ chức thực hiện phong trào thi đua “Cả nước chung tay vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”, biểu dương, khen thưởng các địa phương, cộng đồng, hộ nghèo và tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lĩnh vực giảm nghèo.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện các chương trình thông tin và truyền thông định hướng cho người dân tham gia, thụ hưởng Chương trình; tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về việc làm, giáo dục nghề nghiệp, đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, trợ giúp pháp lý, trợ giúp xã hội và bình đẳng giới.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh.

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 1.750 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách trung ương: 1.500 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 250 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5. Nâng cao năng lực và giám sát đánh giá Chương trình

5.1. Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình

a) *Mục tiêu:* tập huấn bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo bảo đảm đội ngũ cán bộ đủ năng lực thực hiện Chương trình đúng mục tiêu, đúng đối tượng, hiệu quả, bền vững.

b) *Đối tượng:* Đội ngũ cán bộ, nhân viên các cấp thuộc các cơ quan, ban ngành chủ trì và tham gia tổ chức thực hiện các nội dung của Chương trình, nhất là cấp cơ sở (cán bộ thôn, ấp, đại diện cộng đồng, lãnh đạo tổ nhóm, cán bộ giảm nghèo, cán bộ các Hội, đoàn thể); cán bộ, nhân viên, cộng tác viên các tổ chức đoàn thể, người có uy tín trong cộng đồng và các chức sắc tôn giáo tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình giảm nghèo, chú trọng đối tượng là cán bộ nữ.

c) *Nội dung:*

+ Xây dựng tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ cho các nhóm đối tượng của Dự án.

+ Nâng cao năng lực cho đội ngũ tuyên truyền viên, nhất là cấp cơ sở trong việc hỗ trợ người dân giảm nghèo về thông tin.

d) *Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn:* thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh.

e) *Dự kiến kinh phí:*

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 4.051 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 3.523 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

- Ngân sách địa phương: 528 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

5.2. Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá

a) *Mục tiêu:* Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình tại các địa phương, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc, đảm bảo thực hiện đạt các mục tiêu đề ra.

b) *Đối tượng:* Các cơ quan chủ trì, quản lý các dự án, tiểu dự án, các hoạt động thuộc Chương trình; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện Chương trình.

c) *Nội dung thực hiện:*

+ Tổ chức các hoạt động kiểm tra, giám sát thường xuyên và định kỳ để cập nhật các thông tin liên quan đến tình hình thực hiện Chương trình nhằm phát hiện kịp thời những sai sót, yếu kém về quản lý Chương trình; kiến nghị các cấp có thẩm quyền xử lý những vướng mắc, phát sinh, việc làm sai quy định về quản lý Chương trình; giám sát việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý các vấn đề đã phát hiện.

+ Tổ chức các hoạt động đánh giá định kỳ theo kế hoạch nhằm xác định mức độ đạt được theo mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể so với quyết định phê duyệt Chương trình.

+ Thực hiện chế độ thu thập thông tin, báo cáo kiểm tra và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình theo Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.

+ Tổ chức thực hiện rà soát, xác định hộ nghèo và hộ cận nghèo hằng năm, hộ có mức sống trung bình theo đúng quy định và cập nhật trên phần mềm quản lý dữ liệu giảm nghèo.

d) Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn vốn: thực hiện theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND tỉnh

e) Dự kiến kinh phí:

Tổng nhu cầu vốn thực hiện: 2.781 triệu đồng, trong đó:

- Ngân sách Trung ương: 2.418 triệu đồng (vốn sự nghiệp).
- Ngân sách địa phương: 363 triệu đồng (vốn sự nghiệp).

IV. Giải pháp chủ yếu

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội, nhất là người dân nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong giảm nghèo bền vững; khơi dậy ý chí tự lực tự cường của người nghèo, chủ động vươn lên thoát nghèo, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước và xã hội.

- Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực đầu tư cho công tác giảm nghèo. Ngoài kinh phí từ Ngân sách Trung ương phân bổ, huy động tối đa các nguồn lực xã hội tham gia công tác giảm nghèo bền vững; bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và huy động đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng.

- Nâng cao năng lực đội ngũ những người làm công tác giảm nghèo, những người tham gia thực hiện các nội dung của Chương trình để hỗ trợ người nghèo vươn lên thoát nghèo, hỗ trợ người dân nâng cao năng lực, không rơi vào tình trạng nghèo đói. Tổ chức học tập, trao đổi kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh cho các đối tượng trực tiếp tham gia thực hiện các dự án của Chương trình.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

V. Tổ chức thực hiện

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan và địa phương tham mưu cho UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định.

- Chủ trì thực hiện các nội dung: đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo, phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững, truyền thông về giảm nghèo đa chiều, nâng cao năng lực thực hiện chương trình; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình, báo cáo kết quả định kỳ, đột xuất về UBND tỉnh; Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Thẩm định và tổng hợp dự kiến phân bổ kinh phí, chỉ tiêu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2023 trình UBND tỉnh xem xét, quyết định;

- Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, cân đối, bố trí vốn, thẩm định nguồn vốn đầu tư Chương trình theo tiến độ và kế hoạch đầu tư năm 2023 trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

3. Sở Tài chính: tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thuộc nguồn vốn quản lý thực hiện dự án đúng theo Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của HĐND tỉnh, đồng thời thực hiện thanh quyết toán theo quy định.

4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: chủ trì thực hiện Tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tăng cường phối hợp, lồng ghép hoạt động tín dụng chính sách với các chương trình, chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn, phát triển giáo dục, dạy nghề, tạo việc làm, chuyển giao khoa học, kỹ thuật để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn.

5. Sở Y tế: trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án Cải thiện dinh dưỡng; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Sở Thông tin và Truyền thông: chủ trì trực tiếp quản lý, hướng dẫn tổ chức thực hiện Tiểu dự án giảm nghèo thông tin; theo dõi, giám sát, tổng hợp kết quả thực hiện dự án và báo cáo cơ quan quản lý Chương trình để tổng hợp chung báo cáo UBND tỉnh, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các địa phương thực hiện một số nội dung của Chương trình nhằm nâng cao tỷ lệ trẻ em thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo đi học đúng độ tuổi, xóa mù chữ và tỷ lệ người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, tỷ lệ người lao động thuộc vùng nghèo, vùng khó khăn qua đào tạo; hỗ trợ mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh nhằm tạo việc làm, sinh kế cho người nghèo.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: theo chức năng, nhiệm vụ, giám sát việc thực hiện Chương trình tại các Sở, ngành và địa phương theo quy định.

9. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: hướng dẫn Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội các huyện, thị xã triển khai thực hiện cho vay đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo theo đúng quy định hiện hành.

10. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Tổ chức triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn, bố trí nguồn vốn đối ứng từ nguồn ngân sách của địa phương và chủ động huy động thêm các nguồn lực khác để thực hiện Chương trình;

- Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và tránh thất thoát;

- Phân công, phân cấp trách nhiệm của từng cấp và các ban, ngành trong việc tổ chức thực hiện Chương trình theo nguyên tắc tăng cường phân cấp và đề cao tinh thần trách nhiệm cho cơ sở;

- Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện Chương trình.

Trên đây là Kế hoạch, đề xuất kinh phí thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Phước, UBND tỉnh báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH;
- Văn phòng QGGN;
- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX (Ch).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh